TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đức Dũng và ông Phạm Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hồ Thị T1, sinh năm: 1978; nơi ĐKNKTT và cư trú: tổ C, ấp T, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: ông Đàm Công T2, sinh năm: 1975; nơi ĐKNKTT: ấp BT, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; cư trú: tổ C, ấp T, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là bà Hồ Thị T1 trình bày: trên cơ sở tự nguyện, bà và ông Đàm Công T2 đã tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B vào năm 2015, đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống và làm việc tại Vũng Tàu, cách đây khoảng 01 năm mới chuyển về B sinh sống đến nay. Trải qua thời gian dài chung sống, mặc dù cả hai đã khám và điều trị bằng nhiều phương pháp nhưng vẫn không có con nên vợ chồng sinh ra mâu thuẫn. Ông T2 và gia đình chồng muốn bà chấp nhận để ông T2 có con riêng nhưng bà T1 không đồng ý, từ đó mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Do muốn chấm dứt tình trạng mâu thuẫn kéo dài vì chuyện con cái nên bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T2. Vợ chồng không có con chung, không có nợ chung. Bà T1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

* Theo bản tự khai, bị đơn là ông Đàm Công T2 trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà T1 về quá trình tiến tới hôn nhân. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng vì trải qua thời gian dài chung sống mà vợ chồng vẫn không có con nên ông T2 đồng ý ly hôn. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt là phù hợp. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) năm 2014 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho bà T1 được ly hôn ông T2; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về án phí: bà T1 chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Hồ Thị T1 có đơn khởi kiện đối với ông Đàm Công T2 yêu cầu ly hôn nên xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó: bà T1 là nguyên đơn, ông T2 là bị đơn, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị T1 và ông Đàm Công T2 đã đăng ký kết hôn và được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 25/11/2015, do đó hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T1 nhận thấy: cả bà T1 và ông T2 đều xác định vì vợ chồng sống chung với nhau trong thời gian dài nhưng vẫn không có con nên đã dẫn tới mâu thuẫn trong cuộc sống. Bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và đề nghị không hòa giải; ông T2 đồng ý ly hôn đã cho thấy hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T1 được ly hôn ông T2 là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: đương sự khai không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: bà Hồ Thị T1 phải nộp án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên: Quan điểm của Kiểm sát viên về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 56 của Luật HN&GĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Hồ Thị T1 được ly hôn ông Đàm Công T2.

2. Về con chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: bà Hồ Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009103 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; bà T1 đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thế Nam